

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/DS-PT

Ngày: 27-02-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm
Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà
Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11
năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 360/2022/QĐ-PT ngày
05/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 363/2022/QĐ-PT ngày 23/12/2022;
Quyết định hoãn phiên tòa số 366/2022/QĐ-PT ngày 28/12/2022, Quyết định
tạm ngừng phiên tòa số 54/2023/QĐ-PT ngày 10/01/2023; Thông báo mở lại
phiên tòa số 133/2023/TB-PT ngày 14/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thảo L, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố
Q, thị trấn Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Quỳnh N, sinh năm: 1994;
địa chỉ: S HV, thị trấn Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Ông Trần Thanh L1, sinh năm 1987; bà Nguyễn Thị Kim L2, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố ĐK, thị trấn Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Văn Th, sinh năm: 1993; địa chỉ: Số 11A Trần Lê, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Phương Đại N, Công ty Luật TNHH đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố ĐK, thị trấn Đ, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng T

(Bà N, bà L2, anh Th, bà T có mặt; Luật sư N và các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì:

Ngày 06/12/2018 bà Nguyễn Thị Thảo L cho vợ chồng ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2, vay số tiền là 1.022.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu đồng*) không tính lãi suất. Vợ chồng ông L1, bà L2 vay tiền nhằm mục đích đáo hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Đ Bank) - Chi nhánh huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Hai bên thỏa thuận đến ngày 17/12/2018 sẽ trả, khi vay hai bên có lập giấy vay tiền với nhau có chữ ký xác nhận của ông L1, bà L2. Quá hạn trả nợ như thỏa thuận, vợ chồng ông L1, bà L2 không trả tiền vay cho bà L, mặc dù bà L đã rất nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông L1, bà L2 luôn khất lần, né tránh và không có thiện chí trả nợ.

Đến nay các bên không thể thỏa thuận, thương lượng được với nhau, để đảm bảo quyền lợi của mình, bà L làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L1, bà L2 phải trả lại cho bà L số tiền gốc là 1.022.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 17/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, đơn trình bày, biên bản lấy lời khai của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thì: Bà Nguyễn Thị Kim L2 là em gái của bà Nguyễn Thị Mộng T, có đứng tên dùm cho bà T một miếng đất và có thể chấp để vay vốn tại Ngân hàng Đ - Chi nhánh huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Vào khoảng năm 2018 thì bà T có gọi điện nhờ vợ chồng bà L2, ông L1 ra rút dùm sổ đỏ đó và chỉ nói ra rút sổ đỏ, còn tiền thì bà T đã nhờ người bỏ vô để trả hết cho Ngân hàng Đ - Chi nhánh huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng rồi.

Khoảng hai tháng sau có một người phụ nữ gọi điện hỏi vợ chồng bà L2, ông L1 số tiền trên nên bà L2 có gọi điện cho bà T thì bà T nói chưa vay lại được. Mấy ngày sau thì bà L (*người mà bà T mượn tiền để rút sổ đỏ ra*) có vô và viết giấy nhận nợ với vợ chồng bà L2, ông L1. Bà T và bà L nói chuyện với nhau và hứa hẹn với nhau như thế nào thì vợ chồng bà L2, ông L1 không biết, không đọc nội dung nên vợ chồng bà L2, ông L1 có ký vào giấy nợ.

Một thời gian sau bà L vẫn gọi điện hỏi vợ chồng bà L2, ông L1 về số nợ trên thì bà L2 có gọi điện cho bà T hỏi thì bà T nói là đã thỏa thuận nhận nợ hết với bà L tại Văn phòng Công chứng N. Vợ chồng ông L1, bà L2 không trực tiếp là người nhận nợ vì vợ chồng ông L1, bà L2 không biết bà L là ai.

Do đó, qua yêu cầu khởi kiện của bà L thì vợ chồng ông L1, bà L2 không đồng ý trả số nợ trên cho bà L. Ngoài ra, ông bà không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày: Việc viết giấy nhận nợ ngày 06/12/2018 của bà L cung cấp cho Tòa án là được viết tại nhà bà, hôm đó gồm có bà, em gái bà là bà L2, bà L và bạn trai của bà L. Lý do bà L viết giấy nhận nợ là do bà L đã chuyển tiền cho bà mượn thông qua tài khoản của ông L1 để đáo hạn ngân hàng, sau đó bà không vay lại được nên không trả được cho bà L nên bà L mới bắt ông L1, bà L2 ký vào giấy nợ; tuy nhiên số tiền này sau đó đã được bà ký nhận nợ gộp thành số tiền 3.500.000.000 đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng N và đã được Tòa án huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giải quyết xong. Do đó, qua yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà không đồng ý vì bà cho rằng cùng một khoản nợ không được trả thành hai lần.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thảo L về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2.

Buộc vợ chồng ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thảo L số tiền gốc là: 1.022.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu*) và tiền lãi là 384.848.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là: 1.406.848.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 07/10/2022, bị đơn ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 07/10/2022, bà Nguyễn Thị Mộng T kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án tới trước thời điểm nghị án Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông L1, bà L2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng T đảm bảo về hình thức và thời hạn, đủ điều kiện theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 279, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà L cho rằng vào khoảng cuối năm 2018 bà cho vợ chồng ông L1, bà L2 vay tiền. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông L1, bà L2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Phía bị đơn vợ chồng ông L1, bà L2 không đồng ý và cho rằng không có việc vay mượn vì ông bà không biết bà L là ai nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng T thì thấy rằng:

Căn cứ vào giấy vay tiền đề ngày 06/12/2018 do nguyên đơn xuất trình thể hiện: “*vợ chồng anh L1 có vay của bà Thảo L số tiền 1.022.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 06/12/2018, đáo hạn Ngân hàng Đ chi nhánh Đức Trọng, số tài khoản tại Ngân hàng 0110699913 của anh Trần Thanh L1, hẹn ngày 17/12/2018 sẽ trả*” có chữ ký của vợ chồng ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2 (*bút lục 22*). Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông L1, bà L2 thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy vay là của ông bà (*bút lục 21-23*), sau khi vay tiền nguyên đơn đã chuyển khoản số tiền 1 tỷ đồng vào số tài khoản 0110699913 đứng tên Trần Thanh L1 để ông L1, bà L2 đáo hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký trước đó với Ngân hàng (*bút lục 41*) bị đơn cũng đã thừa nhận nội dung này.

Theo đơn kháng cáo ông L1, bà L2 cho rằng vợ chồng ông bà không vay số tiền 1.022.000.000 đồng của bà L, việc ký giấy nhận nợ ngày 06/12/2018 chỉ là ký nhận nợ thay cho chị gái là bà T, thực tế bà T là người vay tiền của chị L và nhận tiền chuyển khoản thông qua tài khoản của ông Trần Thanh L1, vợ chồng bị đơn chỉ là người đứng tên ký vào giấy vay giùm bà T và cho rằng khoản nợ này đã được bà T nhận nợ gộp vào số tiền bà T nợ riêng chị L trước đó tổng cộng 3.500.000.000 đồng (*hợp đồng vay được công chứng tại Văn phòng công chứng N ngày 18/01/2019*) và đã được Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết xong.

Tuy nhiên ngoài lời trình bày trên thì vợ chồng ông L1, bà L2 cũng như bà T không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Đồng thời nguyên đơn không thừa nhận. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông L1, bà L2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà L số tiền gốc 1.022.000.000 đồng và 384.848.000 đồng tiền lãi là có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông L1, bà L2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T mà giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà như ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng T.

Giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 92/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thảo L về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2.

Buộc vợ chồng ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thảo L số tiền gốc là 1.022.000.000 đồng (*Một tỷ không trăm hai mươi hai triệu*) và tiền lãi là 384.848.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 1.406.848.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Trần Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim L2 phải chịu số tiền là 54.205.440 đồng (*Năm mươi tư triệu hai trăm lẻ năm nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 600.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 600.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010807 ngày 21/10/2022 và biên lai thu số 0010804 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông L1, bà L2 còn phải nộp số tiền 54.205.440 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010803 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Bà T đã nộp đủ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thảo L số tiền là 25.910.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu chín trăm mười nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 0002804 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND huyện Lâm Hà (02);
- VKSND huyện Lâm Hà (01);
- Phòng KTNV&THA (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu AV – HS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân